

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15- THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 8 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh H – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, **giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đức Tr, sinh năm 1982, CCCD: 074182010337; địa chỉ: Tổ 22, Khu phố 5, phường B, Thành phố Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1980, CCCD: 024080003228; địa chỉ: Tổ 22, Khu phố 5, phường B, Thành phố Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Đức Tr trình bày:** Bà Trần Thị Đức Tr và ông Nguyễn Minh H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/02/2006. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với gia đình chồng, đến năm 2018 thì vợ chồng dọn ra sống riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn với gia đình chồng, từ đó mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ chuyện tình cảm, chuyện tiền bạc trong gia đình. Sau đó, từ năm 2017-2019 ông H đi làm ăn xa (huyện L, Đồng Nai), thỉnh thoảng mới về một lần, đến năm 2020 thì về gần nhà làm, đến khoảng đầu năm 2024 thì đã đi làm ở huyện D, khoảng 01 tuần mới về một lần. Trong thời gian đi làm ăn xa thì vợ chồng không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, mạnh ai người đó sống. Còn khi ở gần nhau thì ông H thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới. Ngoài ra, bà Tr còn biết ông H có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân nhưng bà không có chứng cứ. Vì con nên bà Tr cố gắng hàn gắn nhưng không có

kết quả mà càng ngày mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến nay tình cảm của bà Tr dành cho ông H không còn nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Bà Tr và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 03/9/2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019. Khi ly hôn, bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay bà Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Tuy nhiên, qua làm việc cháu H có nguyện vọng được sống chung với ông H nên bà Tr đồng ý để cháu Hưng được sống chung với ông H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Trần Như Y mỗi tháng 4.000.000đ/01 con chung. Còn bà không cấp dưỡng nuôi cháu Hưng vì bà không có khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:** Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh H không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà Tr mà tại phiên tòa ông H mới mặt nhưng không đồng ý ly hôn vì giữa ông H và bà Tr không xảy ra mâu thuẫn gì, chỉ là giữa bà Tr và gia đình chồng có mối quan hệ không tốt. Việc bà Tr cho rằng ông H thường xuyên nhậu nhẹt và có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân là không đúng.

Về con chung: Ông H và bà Tr và có 02 người con chung là Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 03/9/2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà Tr ly hôn thì ông H đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Hưng có nguyện vọng được sống chung với ông H thì ông H thống nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Trần Như Y mỗi tháng 4.000.000đ, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi cháu Hưng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà Tr và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 03/9/2007 có nguyện vọng sống chung với ông H nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019 dưới 7 tuổi, bà Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu Ý cho bà Tr nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Tr yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi

cháu Y mỗi tháng 4.000.000đ và ông H đồng ý; ông H không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi cháu H nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền*: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đức Tr là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông H sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang vào ngày 20/02/2006 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà Tr cho rằng: Quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn với gia đình chồng, từ đó mà vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ chuyện tình cảm, chuyện tiền bạc trong gia đình. Ông H thường xuyên đi làm ăn xa, khoảng 01 tuần mới về một lần, trong thời gian này vợ chồng không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, mạnh ai người đó sống, ông H có mối quan hệ khác ngoài hôn nhân. Còn khi ở gần nhau thì ông H thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới. Nay bà Tr xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn ông H cho rằng: Giữa ông H và bà Tr không xảy ra mâu thuẫn, chỉ là vì công việc nên ông phải thường xuyên đi làm ăn xa, khoảng 01 tuần ông mới về nhà một lần, ông không thường xuyên nhậu và cũng không có mối quan hệ ngoài hôn nhân như bà Tr trình bày nên qua yêu cầu ly hôn của bà Tr thì ông không đồng ý.

Xét thấy: Nguyên đơn bà Tr xác định quá trình sống chung, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, hiện bà Tr không còn tình cảm với ông H. Phía bị đơn ông Nguyễn Minh H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn. Do tình trạng mâu thuẫn giữa bà Tr và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Tr và ông H có 02 con chung là cháu **Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 03/9/2007 và cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019**. Khi ly hôn bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Trần Như Y, còn giao con chung Nguyễn Trần Minh H cho ông H nuôi dưỡng**.

Xét thấy: Do cháu H có nguyện vọng được sống chung với ông H và ông H đồng ý, còn cháu Y dưới 7 tuổi và bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cũng đồng ý giao cháu Y cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao con chung là cháu Y cho bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giao con chung là cháu **H** cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn

nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 4.000.000đ và ông H đồng ý mức cấp dưỡng này. Phía ông H nuôi cháu H nhưng không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Tr, ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đức Tr đối với bị đơn ông Nguyễn Minh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đức Tr được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Minh H, sinh ngày 03/9/2007 cho ông Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Như Y, sinh ngày 30/4/2019 cho bà Trần Thị Đức Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

+ Buộc ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Như Y mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Minh H: Ông H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Đức Tr phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003755 ngày 16/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh Nguyễn Minh Trí

Hồ Thị Hằng